

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U
TỈNH C**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2025/DS-ST

Ngày 21-3-2025

V/v “Tranh chấp tiền hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U, TỈNH C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Hữu Đoàn;

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U, tỉnh C tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Hên – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc Tranh chấp tiền hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1953.

Địa chỉ: Ấp I, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: 1. Bà Dương Thị L, sinh năm: 1963.

2. Ông Dương Văn N, sinh năm: 1954.

Cùng địa chỉ: Ấp I, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Ông T, bà L có mặt, ông N vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 30/12/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày: Ông làm chủ hụi, bà L, ông N tham gia hụi do ông làm chủ cụ thể: Dây hụi mở ngày 09/12/2023 (âm lịch), loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 25 hụi viên, bà L, ông N tham gia 01 chung. Ông N và bà L đã hót hụi, còn thiếu 23 lần chưa đóng, số tiền 23 tháng x 2.000.000 đồng = 46.000.000 đồng; Dây hụi mở ngày 15/12/2022 (âm lịch), loại hụi 2.000.000 đồng/tháng gồm 25 hụi viên, bà L, ông N tham 01 chung. Bà L và ông N đã hót hụi và còn nợ 8 tháng hụi chết với số tiền là

08 tháng x 2.000.000 đồng= 16.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền hội còn thiếu là 62.000.000 đồng.

Hội do bà L, ông N làm chủ, ông tham gia gồm: Dây hội mở ngày 29 tháng 11 năm 2019 (âm lịch), loại hội 4.000.000 đồng/tháng gồm 25 hội viên, ông tham gia 02 chung, ông đóng hội được 15 lần thì bà L đình hội, chót lại bà L và ông N nợ mỗi chân là 58.000.000 đồng (trừ tiền cò xong).

Tại phiên tòa, ông T trình bày: Ông yêu cầu ông N và bà L chỉ trả cho ông số tiền hội còn thiếu tổng cộng là 111.000.000 đồng, trong đó tiền hội thiếu do ông làm chủ là 62.000.000 đồng, hội do là L, ông N làm chủ ông chỉ yêu cầu lấy lại vốn của hai chân là 49.000.000 đồng.

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Dương Thị L trình bày: Bà có tham gia hội của ông T làm chủ, tham gia 2 dây như ông T trình bày và ông T có tham gia hội do bà làm chủ dây hội mở ngày 29/11/2019 âm lịch, đóng được 15 lần thì đình hội, trong danh sách hội để tên ông T là chú sáu. Có lập biên bản thể hiện còn thiếu lại 15 lần là 58.000.000 đồng (trừ tiền cò và tính theo giá hội chết mỗi chân). Đối với yêu cầu của ông T về việc yêu cầu bà trả tiền hội còn thiếu tổng cộng là 111.000.000 đồng thì bà đồng ý và yêu cầu được trả hàng tháng.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 468, 471 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà Dương Thị L, ông Dương Văn N trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền hội còn thiếu là 111.000.000 đồng. Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp theo yêu cầu của ông Nguyễn Hữu T đòi bà Dương Thị L, ông Dương Văn N trả lại tiền hội còn thiếu được xác định là tranh chấp dân sự về tiền hội, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông N vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, ông T thay đổi 1 phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà L và ông N trả tiền hội còn thiếu là 111.000.000 đồng, xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông T không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa, bà L thừa nhận còn thiếu tiền hội như ông T trình bày và đồng ý trả tiền hội còn thiếu cho ông T là 111.000.000 đồng, nên yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở chấp nhận.

Nợ phát sinh trong thời kì hôn nhân của bà L và N nên ông N phải có nghĩa vụ liên đới với bà L thanh toán số tiền còn nợ cho ông T.

Về phương thức thanh toán các đương sự không thống nhất được nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông Dương Văn N và bà Dương Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền hui còn thiếu là 111.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí dân sự có giá ngạch: Yêu cầu của ông T được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Án phí bà L, ông N phải chịu là 5.550.000 đồng. Bà Dương Thị L có đơn xin được miễn án phí do thuộc trường hợp được miễn nên không phải nộp. Ông N phải chịu án phí là 2.775.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 244, khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T đối với bà Dương Thị L, ông Dương Văn N về việc đòi tiền hui. Buộc bà Dương Thị L, ông Dương Văn N có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Hữu T số tiền hui còn thiếu tổng cộng là 111.000.000 (một trăm mười một triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị L được miễn án phí. Ông Dương Văn N phải chịu án phí 2.775.000 (hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

Ông T không nộp tạm ứng án phí do thuộc trường hợp được miễn.

- Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo các quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng